

Số: 358 /KH - UBND

Sơn Dương, ngày 19 tháng 8 năm 2021

## **KẾ HOẠCH**

**Thực hiện Kế hoạch số 26a-KH/HU ngày 22/3/2021 của Ban Thường vụ Huyện ủy về thực hiện Kết luận số 81-KL/TW ngày 29/7/2020 của Bộ Chính trị về đảm bảo an ninh lương thực quốc gia đến năm 2030**

Căn cứ Kế hoạch số 91/KH-UBND ngày 03/6/2021 của UBND tỉnh về Thực hiện Kế hoạch số 26-KH/TU ngày 14/01/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Kết luận số 81-KL/TW ngày 29/7/2020 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh lương thực quốc gia đến năm 2030;

Căn cứ Kế hoạch số 26a-KH/HU ngày 22/3/2021 của Ban Thường vụ Huyện ủy về Thực hiện Kế hoạch số 26-KH/TU ngày 01/01/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Kết luận số 81-KL/TW ngày 29/7/2020 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh lương thực quốc gia đến năm 2030;

Ủy ban nhân dân huyện Sơn Dương ban hành Kế hoạch thực hiện Kế hoạch số 26a-KH/HU ngày 22/3/2021 của Ban Thường vụ Huyện ủy về Thực hiện Kế hoạch số 26-KH/TU ngày 01/01/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Kết luận số 81-KL/TW ngày 29/7/2020 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh lương thực quốc gia đến năm 2030, cụ thể như sau:

### **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

#### **1. Mục đích:**

- Thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu được xác định tại Kế hoạch số 91/KH-UBND ngày 03/6/2021 của UBND tỉnh; Kế hoạch số 26a-KH/TU ngày 22/3/2021 của Ban Thường vụ Huyện ủy về Thực hiện Kế hoạch số 26-KH/TU ngày 01/01/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Kết luận số 81-KL/TW ngày 29/7/2020 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh lương thực quốc gia đến năm 2030.

- Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của chính quyền các cấp, cán bộ, đảng viên và nhân dân trong huyện về bảo đảm an ninh lương thực quốc gia trên địa bàn huyện.

#### **2. Yêu cầu**

- Tập trung thực hiện tốt các nhiệm vụ, giải pháp để hoàn thành mục tiêu bảo đảm an ninh lương thực quốc gia đến năm 2030 trên địa bàn huyện Sơn Dương theo đúng Kế hoạch số 91/KH-UBND ngày 03/6/2021 của UBND tỉnh Thực hiện Kế hoạch số 26-KH/TU ngày 14/01/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Kết luận số 81-KL/TW ngày 29/7/2020 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh lương thực quốc gia đến năm 2030 và Kế hoạch số 26a-KH/HU ngày 22/3/2021 của Ban Thường vụ Huyện ủy về Thực hiện Kế hoạch số 26-KH/TU ngày 01/01/2021 của

Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Kết luận số 81-KL/TW ngày 29/7/2020 của Bộ Chính trị về *bảo đảm an ninh lương thực quốc gia đến năm 2030*;

- An ninh lương thực phải gắn với cơ cấu lại nền kinh tế. Bảo đảm an ninh lương thực cho người dân trong mọi tình huống là trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền và toàn xã hội; không chỉ tập trung vào tính sẵn có, khả năng tiếp cận, mà còn bảo đảm cân bằng dinh dưỡng, an toàn thực phẩm.

- Giữ đất lúa để bảo đảm an ninh lương thực, nhưng phải bảo đảm sinh kế, thu nhập cho người trồng lúa, trên cơ sở phát huy nguồn lực của Nhà nước, nhân dân và các thành phần kinh tế.

- Gắn an ninh lương thực với an ninh nguồn nước, bảo vệ môi trường sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững.

- Ưu tiên nguồn lực cho nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ nhằm đa dạng hóa sản phẩm lương thực, thực phẩm bảo đảm cân bằng dinh dưỡng, an toàn thực phẩm trong khẩu phần ăn của người dân.

## **II. MỤC TIÊU**

### **1. Mục tiêu chung**

Nâng cao năng lực sản xuất, dự trữ, lưu thông lương thực, thực phẩm, bảo đảm an ninh lương thực, an ninh dinh dưỡng cho cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân của tỉnh trong mọi tình huống. Nâng cao thu nhập cho người dân để bảo đảm tiếp cận được lương thực chất lượng, an toàn thực phẩm; từng bước nâng cao tầm vóc, thể lực, trí lực của người dân.

### **2. Mục tiêu cụ thể:**

- Cung cấp đầy đủ, đa dạng, an toàn các loại lương thực, thực phẩm như: Các loại ngũ cốc, thịt, trứng, sữa, thủy sản, rau quả, đồ uống với chất lượng ngày càng cao, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng cao đời sống nhân dân, ổn định chính trị, xã hội trong mọi tình huống.

Nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng đất nông nghiệp; giữ ổn định trên 6.000 ha đất trồng lúa; đảm bảo sản lượng lương thực đạt trên 86.000 tấn/năm; sản lượng thịt hơi các loại tăng 6,5%/năm; sản lượng sữa tươi tăng 6%/năm; duy trì diện tích nuôi trồng thủy sản 819 ha, năng suất bình quân 110 tấn/năm; cung cấp đầy đủ, đa dạng, an toàn các loại thực phẩm như: thịt, trứng, sữa, thủy sản, rau quả, đồ uống với chất lượng ngày càng cao, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng cao đời sống nhân dân, ổn định chính trị, xã hội trong mọi tình huống.

- Quản lý và sử dụng hiệu quả quỹ đất trồng lúa. Nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống cho người nông dân, bảo đảm thu nhập của người dân khu vực nông thôn gấp hơn 2 lần so với năm 2020; vùng sản xuất lúa hàng hóa tập trung nông dân có lãi trên 35% so với giá thành sản xuất. Đảm bảo mọi người dân đều có khả năng tiếp cận và chi trả cho nhu cầu lương thực, thực phẩm thiết yếu.

- Đảm bảo nhu cầu dinh dưỡng với khẩu phần ăn cân đối, khoa học, giảm tỷ trọng sử dụng gạo, tăng sử dụng thịt, sữa, trứng, cá, rau, quả góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân, đặc biệt là trẻ em tuổi học đường. Nâng cao mức tiêu thụ calo lên trên 2.500 Kcal/người/ngày; giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng

của trẻ em dưới 5 tuổi thể thấp còi xuống dưới 16%; tỷ lệ thừa cân, béo phì của trẻ em dưới 5 tuổi ở nông thôn dưới 5% và thành thị dưới 10%.

### **III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

#### **1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, chính quyền về công tác bảo đảm an ninh lương thực quốc gia, dinh dưỡng trong cộng đồng**

- Ủy ban nhân dân, UBNDTTQ và các Tổ chức chính trị- xã hội từ huyện đến cơ sở tăng cường công tác chỉ đạo; thường xuyên tổ chức các hoạt động tuyên truyền với các hình thức, phương thức, nội dung phù hợp với từng vùng, từng nhóm đối tượng về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về bảo đảm an ninh lương thực; quán triệt nhận thức về an ninh lương thực quốc gia trong tình hình mới.

- Nâng cao nhận thức về an ninh lương thực, an ninh dinh dưỡng cho cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân. Xác định bảo đảm an ninh lương thực là nhiệm vụ thường xuyên quan trọng góp phần bảo đảm sự ổn định, phát triển bền vững của tỉnh.

- Tập trung triển khai thực hiện hiệu quả các kế hoạch về: Tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới; Chương trình sức khỏe Việt Nam; Chiến lược Quốc gia về dinh dưỡng đến 2025, định hướng đến năm 2030.

#### **2. Đẩy mạnh phát triển, cơ cấu lại sản xuất lương thực, thực phẩm gắn với thị trường**

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 16-NQ/TU ngày 22/5/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XVI) về phát triển nông nghiệp hàng hóa giai đoạn 2016-2025; Quyết định số 358/QĐ- UBND ngày 08/6/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án Cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng phát triển nông, lâm nghiệp, thủy sản hàng hóa, tập trung vào các sản phẩm chủ lực, đặc sản theo chuỗi liên kết bảo đảm chất lượng, giá trị gia tăng cao gắn với xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Chương trình hành động số 14-Ctr/HU ngày 25/10/2016 của Ban chấp hành Đảng bộ huyện (khóa XX) về phát triển nông nghiệp hàng hóa huyện Sơn Dương, giai đoạn 2016-2025; Đề án Sản xuất nông nghiệp hữu cơ huyện Sơn Dương giai đoạn 2021-2025; Đề án phát triển chăn nuôi an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh trên địa bàn huyện Sơn Dương, giai đoạn 2021-2025; Đề án phát triển Hợp tác xã nông lâm nghiệp trên địa bàn huyện Sơn Dương giai đoạn 2021-2025; Đề án thực hiện Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” (OCOP) trên địa bàn huyện Sơn Dương, giai đoạn 2021-2025;

- Quy hoạch, phát triển các vùng trọng điểm, chuyên canh sản xuất lương thực, thực phẩm chủ lực (lúa gạo, chè, dược liệu, chăn nuôi,...) ở những xã có lợi thế gắn với bảo quản, chế biến, tiêu thụ theo chuỗi giá trị, đáp ứng thị trường và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Phát triển chăn nuôi theo hướng công nghiệp và bán công nghiệp, trang trại và hộ chăn nuôi chuyên nghiệp; ứng dụng công nghệ cao, quy trình sản xuất

tiên tiến, an toàn sinh học và thân thiện với môi trường. Thực hiện hiệu quả đề án phát triển chăn nuôi an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh.

- Mở rộng diện tích sản xuất lương thực, thực phẩm theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; thực hiện tốt việc kiểm soát thú y, an toàn chăn nuôi ngay từ cơ sở sản xuất. Thực hiện hiệu quả Đề án phát triển sản phẩm nông nghiệp hữu cơ huyện Sơn Dương giai đoạn 2021-2025. Phân đấu các sản phẩm nông sản (lương thực, thực phẩm) bảo đảm an toàn, đủ điều kiện truy xuất nguồn gốc. Phân đấu các sản phẩm nông sản (lương thực, thực phẩm...) đảm bảo an toàn, đủ điều kiện truy xuất nguồn gốc.

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện, nhất là các tiêu chí liên quan đến tổ chức sản xuất, nâng cao thu nhập, cải thiện sinh kế, giảm nghèo, bảo vệ môi trường sinh thái.

### **3. Đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất lương thực**

Bố trí cơ cấu đất sản xuất, mùa vụ hợp lý để vừa sản xuất lương thực, rau, quả, đồng thời trồng cây thức ăn thô xanh phục vụ phát triển chăn nuôi trâu, bò thịt, bò sữa.

Tập trung tuyên truyền và tổ chức thực hiện hiệu quả chính sách hỗ trợ quy định tại các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: Số 09/2020/NQ-HĐND ngày 15/12/2020 Quy định mức hỗ trợ kiên cố hóa kênh mương trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021-2025; Số 55/NQ-HĐND ngày 20/11/2020 Thông qua Đề án Bê tông hóa đường giao thông nông thôn và xây dựng cầu trên đường giao thông nông thôn, giai đoạn 2021 - 2025; Số 03/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản hàng hóa; sản phẩm OCOP và xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025.

### **4. Tăng cường nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ trong sản xuất, bảo quản, chế biến lương thực**

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, tự động hóa, cơ giới hóa, công nghệ sinh học trong sản xuất, thu hoạch, bảo quản, chế biến; sử dụng các loại giống cây trồng, vật nuôi năng suất cao, chất lượng tốt; kỹ thuật thâm canh, phòng trừ dịch bệnh, thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu và điều kiện thực tế của địa phương.

- Xây dựng và phát triển các vùng sản xuất trồng trọt, chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản tập trung, an toàn dịch bệnh, ứng dụng công nghệ cao, quy trình sản xuất nông nghiệp tốt, nông nghiệp hữu cơ gắn với cấp mã số vùng trồng, chỉ dẫn địa lý và truy xuất nguồn gốc.

- Tập trung phát triển những sản phẩm nông nghiệp hàng hóa chủ lực, tiềm năng, lợi thế, tạo sức cạnh tranh gắn với thực hiện hiệu quả Chương trình “mỗi xã một sản phẩm” để đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm và phát triển thị trường. Thu hút, hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ, ứng dụng công nghệ

cao vào sản xuất, chế biến, bảo quản lương thực, thực phẩm; thúc đẩy hợp tác, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị.

### **5. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực**

- Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác đào tạo nguồn nhân lực; tổ chức thực hiện có hiệu quả các chương trình, đề án đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn; hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo hướng phát triển nông nghiệp hàng hóa quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương.

- Đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút nguồn lực từ các thành phần kinh tế tham gia đầu tư nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất, bảo quản, chế biến và lưu thông lương thực, thực phẩm. Thúc đẩy việc tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp qua các kênh thương mại điện tử.

### **6. Đổi mới hình thức tổ chức sản xuất lương thực**

- Xây dựng và tổ chức thực hiện hiệu quả đề án phát triển hợp tác, liên kết sản xuất với chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Phát triển các Hợp tác xã sản xuất dựa trên liên kết các tổ, nhóm sản xuất tập trung, khép kín từ các khâu sản xuất, chế biến, tiêu thụ.

- Đẩy mạnh liên kết giữa các địa phương trong sản xuất, chế biến lương thực, thực phẩm nhằm khai thác lợi thế, tiềm năng của mỗi địa phương, tăng năng lực cạnh tranh của hàng hoá nông sản của huyện trong điều kiện hội nhập.

- Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh tạo môi trường thuận lợi để thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; phát triển mạnh công nghiệp chế biến, bảo quản sau thu hoạch để nâng cao giá trị, đa dạng hóa các mặt hàng lương thực, thực phẩm phục vụ nhu cầu tiêu dùng của nhân dân trong và ngoài huyện, bán ra thị trường ngoài tỉnh, hướng tới xuất khẩu.

### **7. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế chính sách bảo đảm an ninh lương thực trên địa bàn**

- Rà soát, kiến nghị sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách và triển khai thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách của Nhà nước về đất đai, tài chính, bảo hiểm nông nghiệp, tín dụng, thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển bền vững gắn với sản xuất hàng hóa.

- Bảo vệ và sử dụng hiệu quả diện tích đất lúa đã được quy hoạch. Chủ động, linh hoạt trong chuyển đổi, sử dụng đất trồng lúa vừa bảo đảm an ninh lương thực của địa phương, vừa mang lại hiệu quả kinh tế cao trên đất lúa, nhưng không làm thay đổi tính chất, điều kiện sử dụng đất lúa, giữ ổn định diện tích đất lúa theo quy định của Nhà nước. Triển khai thực hiện hiệu quả chính sách hỗ trợ bảo vệ và phát triển đất trồng lúa theo quy định tại Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa, Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 và các cơ chế, chính sách của Nhà nước về khuyến khích, hỗ trợ sản xuất, kinh doanh lúa gạo.

- Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính để tạo điều kiện lưu thông lương thực, thực phẩm; giống cây trồng, giống vật nuôi, vật tư phục vụ sản xuất phù hợp với cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước. Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp đầu tư cơ sở hạ tầng chế biến, kho bãi bảo quản hiện đại để chế biến, dự trữ nguồn hàng cùng với dự trữ quốc gia đáp ứng yêu cầu lương thực, thực phẩm trong trường hợp khẩn cấp, dịch bệnh.

- Lồng ghép thực hiện các nhiệm vụ hỗ trợ phát triển sản xuất lương thực, thực phẩm để giảm nghèo trong các Chương trình mục tiêu quốc gia; Thực hiện hiệu quả chính sách trợ cấp gạo cho đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi; kịp thời đề xuất và thực hiện chính sách hỗ trợ gạo cho người dân vùng bị thiếu đói do ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý nghiêm các vi phạm liên quan đến quản lý, sử dụng đất trồng lúa; an ninh lương thực, thực phẩm; an toàn thực phẩm.

### **8. Phát triển hệ thống lưu thông, tăng khả năng tiếp cận của người dân đối với lương thực, thực phẩm an toàn, bảo đảm dinh dưỡng**

- Đẩy mạnh thu hút đầu tư nâng cấp, hiện đại hóa hệ thống hạ tầng phục vụ sản xuất, thương mại lương thực, thực phẩm (kho chứa, kho lạnh, khu giết mổ tập trung,...), bảo đảm lưu thông, tạo thuận lợi cho người dân tiếp cận lương thực, thực phẩm trong mọi tình huống, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn. Bảo đảm cung cấp đầy đủ nhu cầu dinh dưỡng với khẩu phần ăn cân đối, khoa học, nhất là đối với thanh thiếu niên, nhi đồng để nâng cao tầm vóc, thể lực, trí lực của người dân.

- Nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý công tác dinh dưỡng, đưa chương trình dinh dưỡng vào mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện, xã, thị trấn. Tăng cường sự phối hợp giữa các ngành với địa phương, với tổ chức chính trị xã hội, doanh nghiệp; lồng ghép nguồn lực từ các chương trình, dự án, nguồn lực từ xã hội hóa để thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp bảo đảm dinh dưỡng trong nhân dân.

- Phát triển các ngành nghề công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ ở khu vực nông thôn để tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân. Chú trọng phát triển công nghiệp phụ trợ và dịch vụ để hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh lương thực, thực phẩm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của nhân dân.

### **9. Phát triển thông tin, truyền thông về an ninh lương thực**

- Phát triển hệ thống thông tin an ninh lương thực, thực phẩm; thường xuyên kết nối, cập nhật dự báo về sản xuất, tiêu thụ lương thực, thực phẩm với các huyện trong tỉnh và các địa phương khác.

- Xây dựng hệ thống thông tin cảnh báo, dự báo thiên tai, khí tượng thủy văn; theo dõi chặt chẽ quá trình biến đổi khí hậu, dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi đến từng xã, từng khu vực trong huyện để có giải pháp ứng phó dài hạn, hiệu quả.

## **10. Nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường, sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai**

- Tiếp tục hoàn thiện tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước về nông nghiệp, nông thôn của các cơ quan, đơn vị thuộc huyện. Tổ chức thực hiện hiệu quả cơ chế, chính sách xã hội hóa các dịch vụ công trong nông nghiệp.

- Thường xuyên kiểm tra, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm quy định về an toàn thực phẩm, an ninh lương thực, bình ổn giá, chất lượng hàng hóa.

- Tổ chức rà soát, xây dựng kế hoạch sử dụng đất, kế hoạch sản xuất nông, lâm nghiệp theo giai đoạn và hàng năm, bảo đảm sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, bền vững tài nguyên đất, nước, rừng; nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng đất lúa. Xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và ứng dụng công nghệ cao để quản lý, sử dụng đất trồng lúa hiệu quả, bền vững.

- Tiếp tục đầu tư nâng cấp hệ thống thủy lợi; quản lý chặt chẽ hệ thống hồ chứa nước, rừng đầu nguồn bảo đảm an ninh nguồn nước, tưới chắc cho trên 85% diện tích gieo cấy lúa hàng năm.

## **11. Đẩy mạnh hợp tác trong và ngoài tỉnh trong lĩnh vực an ninh lương thực**

- Chủ động hợp tác với các Viện nghiên cứu, các Trường đại học khối nông lâm nghiệp, các tổ chức khoa học công nghệ trong nước để chuyển giao công nghệ lai tạo, sản xuất giống; công nghệ trong nuôi, trồng, chế biến; quản lý dinh dưỡng, dịch bệnh cho cây trồng, vật nuôi.

- Chủ động mời gọi, giới thiệu tiềm năng, lợi thế về trồng trọt, chăn nuôi của địa phương đến các doanh nghiệp, nhà đầu tư có năng lực về công nghệ, vốn, thị trường để hợp tác đầu tư dài hạn, phát triển các vùng sản xuất, cung ứng lương thực, thực phẩm ổn định, tin cậy với thị trường trong nước và nước ngoài. Tập trung phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp hữu cơ để nâng cao chất lượng, sức cạnh tranh sản phẩm nông nghiệp hàng hóa của huyện.

- Tích cực, chủ động đề xuất tham gia các chương trình, dự án do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các Bộ, ngành trung ương đề xuất; các dự án hỗ trợ phát triển của các nhà tài trợ nước ngoài (ODA); các dự án viện trợ không hoàn lại để hỗ trợ phát triển sản xuất, bảo đảm an ninh lương thực, cải thiện mức sống cho người dân, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Tích cực quảng bá, giới thiệu tiềm năng, lợi thế của tỉnh để thúc đẩy đầu tư, liên kết trong lĩnh vực sản xuất lương thực, thực phẩm đáp ứng nhu cầu sử dụng của người tiêu dùng, góp phần đưa nông nghiệp của huyện ngày càng phát triển.

*(có biểu phân công nhiệm vụ cụ thể kèm theo)*

## **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1.** UBND các xã, thị trấn, các cơ quan, đơn vị liên quan trên địa bàn huyện tổ chức quán triệt Nghị quyết số 34/NQ-CP ngày 25/3/2021 của Chính

phủ về bảo đảm an ninh lương thực quốc gia đến năm 2030; Kế hoạch số 26a-KH/HU ngày 22/3/2021 của Ban Thường vụ Huyện ủy về Thực hiện Kế hoạch số 26-KH/TU ngày 01/01/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Kết luận số 81-KL/TW ngày 29/7/2020 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh lương thực quốc gia đến năm 2030 và Kế hoạch này đến toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân tại địa phương. Đồng thời, xây dựng kế hoạch thực hiện của đơn vị, địa phương cụ thể hóa thành nhiệm vụ trong kế hoạch công tác hàng năm; phân công lãnh đạo phụ trách, xác định rõ từng mục tiêu, nhiệm vụ, tiến độ, biện pháp thực hiện.

2. Trên cơ sở nhiệm vụ cụ thể được giao, các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn xác định nội dung và khối lượng công việc cần thực hiện. Chủ động lồng ghép nguồn kinh phí từ các Chương trình mục tiêu quốc gia và các Chương trình, dự án khác; nguồn tài trợ, đóng góp của các cá nhân, tổ chức;... để triển khai thực hiện.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội huyện phối hợp đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về vai trò, ý nghĩa của công tác bảo đảm an ninh lương thực trong tình hình mới, góp phần nâng cao nhận thức về an ninh lương thực, an ninh dinh dưỡng cho cán bộ, công chức, đoàn viên, hội viên và Nhân dân; xác định bảo đảm an ninh lương thực là nhiệm vụ thường xuyên, quan trọng góp phần bảo đảm sự ổn định, phát triển bền vững. Phát huy vai trò giám sát của Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội về việc triển khai thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh lương thực quốc gia trên địa bàn.

4. Giao phòng Nông nghiệp và PTNT là cơ quan thường trực thực hiện kế hoạch. Theo dõi, đôn đốc, tổng hợp kết quả thực hiện của UBND các xã, thị trấn, các cơ quan, đơn vị tại Kế hoạch này và tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân huyện, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Tuyên Quang theo quy định.

UBND các xã, thị trấn, các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đảm bảo an ninh lương thực quốc gia đến năm 2030 trên địa bàn huyện. *lsc*

Nơi nhận: *\**

- Sở Nông nghiệp và PTNT
- TTr Huyện ủy, HĐND huyện (Báo cáo);
- Chủ tịch UBND huyện,
- Các PCT UBND huyện;
- UBMTTQ, các TCCT XH huyện; |
- Các cơ quan chuyên môn huyện; | (Thực hiện);
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu VT. 8

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Hữu Tân



**NHIỆM VỤ THỰC HIỆN ĐẢM BẢO AN NINH LƯƠNG THỰC QUỐC GIA ĐẾN NĂM 2030 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN SON DƯƠNG**

*(Kèm theo Kế hoạch số 358/KH-UBND ngày 19/8/2021 của UBND huyện Sơn Dương)*

TT	Nội dung, nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
1	Thực hiện Đề án tái cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản hàng hóa, tập trung vào các sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc sản đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng, giá trị gia tăng cao gắn với xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030	Phòng Nông nghiệp và PTNT; UBND các xã, thị trấn	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm
2	Đề án thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030	Phòng Dân tộc	Các cơ quan, đơn vị liên quan; UBND các xã, thị trấn	Hàng năm
3	Giao chỉ tiêu kế hoạch sản xuất nông lâm nghiệp hàng năm	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Phòng Nông nghiệp và PTNT; UBND các xã, thị trấn	Tháng 12 năm trước
4	Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030	Phòng Nông nghiệp và PTNT.	Phòng Tài chính - Kế hoạch; UBND các xã, thị trấn	Hàng năm
5	Chương trình quản lý dịch hại tổng hợp (IPM) trên các cây trồng chủ lực, có giá trị kinh tế cao tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện	Phòng Tài chính - Kế hoạch; UBND các xã, thị trấn	Hàng năm
6	Chương trình khuyến nông tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện	Phòng Tài chính - Kế hoạch; UBND các xã, thị trấn	Hàng năm
7	Thực hiện Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐNG ngày 15/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn huyện	Phòng Nông nghiệp và PTNT.	Phòng Tài chính - Kế hoạch; UBND các xã, thị trấn	Hàng năm
8	Rà soát, lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện	Phòng Tài nguyên - Môi trường	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Theo quy định của Luật đất đai
9	Triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.	Phòng Kinh tế -Hạ tầng	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Năm 2021 và hàng năm
10	Phối hợp với các đơn vị khoa học công nghệ nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ sinh học, công nghệ thông tin, tự động hóa, cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp	Phòng Kinh tế -Hạ tầng	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm

TT	Nội dung, nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
11	Tiếp tục thực hiện chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn	Trung tâm GDNN-GDTX huyện	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm
12	Kiểm tra chất lượng vật tư nông nghiệp; an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản trên địa bàn.	Phòng Nông nghiệp và PTNT.	Các cơ quan, đơn vị liên quan; UBND các xã, thị trấn	Hàng năm
13	Đề xuất cơ chế chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa đối với một số sản phẩm nông nghiệp chủ lực, sản phẩm OCOP trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2021-2025	Phòng Nông nghiệp và PTNT.	Các cơ quan, đơn vị liên quan; UBND các xã, thị trấn	Hàng năm
14	Tổ chức sản xuất thử nghiệm và đánh giá, lựa chọn từ 1 - 2 giống cây trồng mới có năng suất, chất lượng cao, phù hợp với nhu cầu sản xuất ở địa phương để bổ sung vào cơ cấu giống, mở rộng sản xuất đại trà trên địa bàn của tỉnh	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện	Phòng Tài chính - Kế hoạch; UBND các xã, thị trấn	Hàng năm
15	Tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ chuyên môn về nông nghiệp hữu cơ, VietGAP; áp dụng công nghệ thông tin, tự động hóa trong sản xuất nông nghiệp	Phòng Nông nghiệp và PTNT.	Các cơ quan, đơn vị liên quan; UBND các xã, thị trấn	Hàng năm
16	Triển khai thực hiện Đề án sản xuất nông nghiệp hàng hóa huyện Sơn Dương, giai đoạn 2021-2025	Phòng Nông nghiệp và PTNT.	Các cơ quan, đơn vị liên quan; UBND các xã, thị trấn	Hàng năm
17	Triển khai thực hiện Đề án phát triển Hợp tác xã nông lâm nghiệp trên địa bàn huyện Sơn Dương giai đoạn 2021-2025	Phòng Nông nghiệp và PTNT.	Các cơ quan, đơn vị liên quan; UBND các xã, thị trấn	Hàng năm
8	Triển khai thực hiện Đề án thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) trên địa bàn huyện Sơn Dương giai đoạn 2021-2026	Phòng Nông nghiệp và PTNT.	Các cơ quan, đơn vị liên quan; UBND các xã, thị trấn	Hàng năm
19	Triển khai thực hiện Đề án thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) trên địa bàn huyện Sơn Dương giai đoạn 2021-2027	Phòng Nông nghiệp và PTNT.	Các cơ quan, đơn vị liên quan; UBND các xã, thị trấn	Hàng năm
20	Triển khai thực hiện Đề án Phát triển chăn nuôi an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh trên địa bàn huyện Sơn Dương, giai đoạn 2021-2025	Phòng Nông nghiệp và PTNT.	Các cơ quan, đơn vị liên quan; UBND các xã, thị trấn	Hàng năm
21	Triển khai thực hiện Đề án phát triển sản phẩm nông nghiệp hữu cơ huyện Sơn Dương giai đoạn 2021-2025	Phòng Nông nghiệp và PTNT.	Các cơ quan, đơn vị liên quan; UBND các xã, thị trấn	Hàng năm
22	Triển khai thực hiện Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 15/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định về mức hỗ trợ kiên cố hóa kênh mương trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021-2025	Phòng Nông nghiệp và PTNT.	Các cơ quan, đơn vị liên quan; UBND các xã, thị trấn	Hàng năm

TT	Nội dung, nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
23	Triển khai thực hiện Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 20/11/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Đề án bê tông hóa đường giao thông nông thôn và xây dựng cầu trên đường giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021-2025	Phòng Kinh tế -Hạ tầng	Các cơ quan, đơn vị liên quan; UBND các xã, thị trấn	Hàng năm
24	Giám sát, kiểm tra việc quản lý, sử dụng đất trồng lúa	Phòng Tài nguyên - Môi trường	Các cơ quan, đơn vị liên quan; UBND các xã, thị trấn	Hàng năm
25	<p>Tiếp tục tổ chức thực hiện các kế hoạch: Kế hoạch số 46/KHUBND ngày 21/5/2018 thực hiện Nghị quyết số 139/NQ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ và Kế hoạch số 172-KH/TU ngày 06/3/2018 của BCH Đảng bộ tỉnh (khóa XVI) thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ sáu BCH Trung ương (khóa XII) về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới.</p> <p>Kế hoạch số 48/KHUBND ngày 21/5/2018 thực hiện Chiến lược Quốc gia về dinh dưỡng tỉnh Tuyên Quang đến 2025, định hướng đến năm 2030. Kế hoạch số 112/KH-UBND ngày 12/12/2018 thực hiện Chương trình</p>	Phòng Y tế	Các cơ quan, đơn vị liên quan; UBND các xã, thị trấn	Hàng năm